

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 583/2023/HC-PT

Ngày 07 - 8 - 2023

V/v khiếu kiện quyết định hành chính

và yêu cầu bồi thường do thu hồi đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường và bà Lê Thị Thúy Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 414/2022/TLPT-HC ngày 06 tháng 10 năm 2022, về “Khiếu kiện quyết định hành chính và yêu cầu bồi thường do thu hồi đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2022/HC-ST ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 8455/2023/QĐPT-HC ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông NHH, sinh năm 1951; địa chỉ: Số 01, đường ND, Tổ 7, phường MX, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H: Ông LDC- Luật sư Công ty Luật TT thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. (có mặt)

2. *Người bị kiện:* Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang; địa chỉ: Số 429, đường TC, phường YL, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông PMD- Giám đốc Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện: Ông ĐMT- Phó Giám đốc Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông NVS- Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông ĐMT- Phó Giám đốc Sở TN &MT tỉnh Tuyên Quang. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.2. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam; địa chỉ: Tháp BIDV, Số 35 HV, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông PĐT- Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông NĐH- Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TQ; địa chỉ: Số 4, đường BT, phường MX, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.3. Ông NHH1, sinh năm 1952; địa chỉ: Số 25, đường NGK, phường MX, thành phố TQ. (vắng mặt).

3.4. Bà NTB, sinh năm 1956; địa chỉ: Số 22, đường ND, Tổ 7, phường MX, thành phố TQ. (vắng mặt)

3.5. Ông NVV, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 4, đường ND, Tổ 7, phường MX, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay đang thi hành án tại phân trại K3, Trại giam QT, xã TA, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang. (vắng mặt)

3.6. Bà NTH, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 06, đường ND, Tổ 7, phường MX, thành phố TQ. (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1, bà B, ông V và bà H: Ông NHH - Là người khởi kiện trong vụ án. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án ông NHH và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H trình bày:

Gia đình ông H có khoảng 650m² đất thuộc thửa số 163, tờ bản đồ số 35 - (Thửa 224 + 225) Bản đồ địa chính phường MX, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang. Nguồn gốc đất do gia đình ông khai hoang sử dụng từ năm 1947. Ngày 25/6/1991, thửa đất trên đã được UBND phường MX xác nhận về vị trí, tứ cận, kích thước theo đơn của bố ông (ông NHT). Cụ thể là: Phía Đông giáp đường CL dài 20m, phía Tây giáp ruộng Hợp tác xã dài 18m, phía Bắc giáp ruộng Hợp tác xã dài 34,5m, phía Nam giáp Trường Bồ túc văn hoá dài 33m. Hồ sơ 299/TTg cũng ghi nhận thửa đất trên là của gia đình ông H.

Năm 1995, UBND tỉnh Tuyên Quang thu hồi một phần diện tích đất của gia đình ông để làm đường BT. Diện tích cụ thể bị thu hồi bao nhiêu ông không biết vì gia đình ông không nhận được thông báo và Quyết định thu hồi đất, cũng không nhận được tiền bồi thường hỗ trợ. Gia đình ông chỉ nhận được 01 Biên bản kiểm kê khối lượng đền bù di chuyển giải phóng mặt bằng thi công đường

BT thuộc nhánh Hà Nội-Tuyên Quang, đường dẫn cầu NT ngày 27/10/1995 (có chữ ký của các Sở, Ban, Ngành liên quan) ghi nhận nội dung “trung dụng 400m² để làm đường BT”. Thực tế, đất của gia đình ông sau đó không bị thu hồi làm đường BT. Vì đường mở rộng về phía Quảng trường hiện tại. Nếu mở rộng về phía đất của gia đình ông sẽ đè lên cống thoát nước ngầm của thành phố, không đảm bảo kết cấu. Đất của gia đình ông nằm về phía Tây của cống ngầm còn đường BT nằm về phía Đông cống ngầm. Sau đó, gia đình ông vẫn cấy lúa, trồng rau trên toàn bộ diện tích đất như ban đầu.

Đến năm 1996, UBND tỉnh Tuyên Quang tiếp tục thu hồi phần diện tích đất còn lại của gia đình ông để xây dựng cơ sở hạ tầng và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV). Lần thu hồi này, gia đình ông cũng không nhận được bất kỳ văn bản nào liên quan đến việc thu hồi đất của UBND tỉnh Tuyên Quang hay cơ quan Nhà nước nào khác. Khi đó, toàn bộ đất ruộng của gia đình ông bị đơn vị thi công đổ đất nền, san phẳng toàn bộ. Gia đình ông cũng không được bồi thường về đất mà chỉ được hỗ trợ 200.000đồng tiền cây cối, hoa màu bị thiệt hại. Do bức xúc, không đồng ý với cách hỗ trợ trên nên gia đình ông không nhận 200.000đồng tiền hỗ trợ. Sau này, trong quá trình khiếu nại, kiến nghị ông mới biết, để xây dựng Ngân hàng, UBND tỉnh Tuyên Quang đã thu hồi của gia đình ông 165m² đất. Phần lớn diện tích còn lại khoảng 483m² của thửa đất chưa được sử dụng vào mục đích gì vẫn để trống. Vì vậy, sau khi Ngân hàng được xây dựng, gia đình ông tiếp tục sử dụng phần diện tích còn lại để trồng chuối, khoai lang. Đến năm 2017, con gái ông mở quán bán nước giải khát trên diện tích đất còn lại thì UBND thành phố và UBND tỉnh Tuyên Quang cho rằng diện tích đất của gia đình ông đã bị thu hồi toàn bộ.

Về nguồn gốc đất, vị trí và quá trình sử dụng đất của gia đình ông có rất nhiều người sống cùng thời kỳ ở địa phương làm chứng xác nhận. Chính vì hoạt động thu hồi đất 02 lần như trên của UBND tỉnh Tuyên Quang chưa đúng pháp luật, chưa thỏa đáng nên ông đã có đơn đề nghị các cấp chính quyền xem xét bồi thường đối với diện tích đất đã thu hồi, đối với phần diện tích đất còn lại chưa sử dụng vào mục đích gì, đề nghị trả lại cho gia đình ông. Đến ngày 26/3/2020, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường (viết tắt là TN&MT) tỉnh Tuyên Quang ban hành Công văn số 07/CV-TTra về việc trả lời đơn đề nghị của công dân với nội dung không đồng ý với yêu cầu của ông, cho rằng đề nghị của ông không có căn cứ vì quyền lợi của gia đình ông đã chấm dứt từ thời điểm thu hồi đất. Ông không đồng ý với toàn bộ nội dung văn bản trên của Thanh tra Sở TN&MT tỉnh Tuyên Quang, bởi:

Thứ nhất, lần thu hồi đất năm 1995 để làm đường (trường hợp có lấy đất của gia đình ông để làm đường) không trả đất và không bồi thường hoa màu là trái pháp luật. Ông còn giữ *Biên bản kiểm kê khối lượng đền bù di chuyển giải phóng mặt bằng thi công đường BT thuộc nhánh Hà Nội-Tuyên Quang, đường dẫn cầu NT ngày 27/10/1995*. Biên bản có sự tham gia của đại diện UBND thị xã TQ, Sở

Xây dựng tỉnh Tuyên Quang, Công ty Quản lý đô thị, UBND phường MX có nội dung kiểm kê như sau: Trung dụng 400m² đất để làm đường (kích thước 20m x 20m), trên đất có 400m² rau xanh. Điều 28 Luật Đất đai năm 1993 quy định: *“Trong trường hợp có nhu cầu khẩn cấp của chiến tranh, chống thiên tai hoặc trong tình trạng khẩn cấp, thì việc trưng dụng đất do UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trở lên quyết định. Hết thời hạn trưng dụng, người sử dụng được trả lại đất và được đền bù thiệt hại do việc trưng dụng gây nên theo quy định của pháp luật”*.

Như vậy, có hai sai lầm mấu chốt: Một là, UBND tỉnh Tuyên Quang, trực tiếp là Hội đồng kiểm kê đã “Trưng dụng” đất của gia đình ông là không đúng vì theo điều luật trên, việc lấy đất để làm đường không thuộc trường hợp khẩn cấp của chiến tranh, thiên tai, mặt khác cũng không trả lại đất cho gia đình ông nên không phải trưng dụng mà thực tế là thu hồi đất. Hai là, không bồi thường về đất và hoa màu cho gia đình ông là trái pháp luật, bởi theo Điều 28 Luật Đất đai 1993, trưng dụng đất thì phải bồi thường và thu hồi đất cũng phải bồi thường theo Điều 27 Luật Đất đai 1993: *Trong trường hợp thật cần thiết, Nhà nước thu hồi đất đang sử dụng của người sử dụng đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng thì người bị thu hồi đất được đền bù thiệt hại. Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 90-CP ngày 17/8/1994 cũng quy định “Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất hợp pháp mà bị Nhà nước thu hồi đất thì được Nhà nước đền bù thiệt hại về đất và đền bù thiệt hại về tài sản trên đất”*.

Xem xét từ những văn bản ông thu thập được, xác định có thêm một sai phạm: Điều 1 Quyết định số 859/QĐ-UB ngày 15/11/1995 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt bồi thường, di chuyển giải phóng mặt bằng thi công đường BT - thị xã TQ có ghi nhận: *“Khối lượng bồi thường: chi phí phá dỡ công trình kiến trúc của trường BT1, bồi thường cho 2 hộ dân và hoa màu, cây cối, chi phí cho Ban quản lý công trình và chi khác cho phục vụ công tác bồi thường, kể cả hồ sơ và lập dự toán bồi thường; Tổng kinh phí bồi thường: 39.308.847đ (Ba mươi chín triệu, ba trăm linh tám ngàn, tám trăm bốn mươi bảy đồng)”*. Như vậy, thấy rõ rằng Ngân sách đã chi 39.308.847đ do UBND tỉnh Tuyên Quang quyết định để phục vụ cho việc bồi thường. Trong đó, có bồi thường về đất và cây cối hoa màu của gia đình ông. Tuy nhiên, Ban Quản lý công trình đã không chi trả và thực hiện việc bồi thường theo quy định của pháp luật mà lợi dụng việc bố ông là Đảng viên, tuyên truyền “ Trưng dụng đất ” để lấy không đất của gia đình ông là trái pháp luật .

Thứ hai, lần thu hồi đất năm 1996. Việc thu hồi đất để xây dựng trụ sở Ngân hàng cũng trái pháp luật, bởi hai lý do: Một là, không bồi thường về đất cho gia đình ông. Diện tích đất này gia đình ông có tên chủ sử dụng đất trong hồ sơ quản lý đất đai, bản đồ 299/TTg nên phải được bồi thường. Hai là, không thuộc trường hợp thu hồi đất. Điều 27 Luật Đất đai 1993 quy định việc thu hồi đất phải *Trong trường hợp thật cần thiết và phải để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh,*

lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng mới được thu hồi đất. Xây trụ sở Ngân hàng không phải trường hợp an ninh, quốc phòng, còn lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng được hướng dẫn tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 90-CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ ban hành quy định về việc đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.

Như vậy, cả hai lần UBND tỉnh Tuyên Quang thu hồi đất của gia đình ông đều không bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của Luật Đất đai. Cho đến thời điểm hiện tại, gia đình ông vẫn chưa nhận được tiền và chưa được UBND tỉnh Tuyên Quang giải quyết thỏa đáng về vấn đề này. Thậm chí, có những cơ quan hành chính Nhà nước giải quyết tắc trách, trái pháp luật, cụ thể là:

Thanh tra Sở TN&MT tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Công văn số 07/CV-TTra ngày 26/3/2020, trong Phần 4 Kết luận có nêu và viện dẫn như sau: *“Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 698 Bộ luật Dân sự năm 1995 quy định căn cứ chấm dứt quyền sử dụng đất:*

1. Quyền sử dụng đất của cá nhân, hộ gia đình chấm dứt trong các trường hợp sau đây:...

đ) Có quyết định thu hồi quyền sử dụng đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền”.

Sau đó kết luận, việc ông đòi hỏi quyền lợi là không đúng pháp luật *do đã chấm dứt quyền sử dụng đất nên không có căn cứ để giải quyết.* Đây là kết luận vô lý bởi: Bộ luật Dân sự số 44-L/CTN năm 1995 đến ngày 01/7/1996 mới có hiệu lực nhưng UBND tỉnh Tuyên Quang đã thu hồi đất của gia đình ông vào ngày 15/11/1995 và ngày 15/02/1996 nên không thể áp dụng Bộ luật Dân sự năm 1995 vì thời điểm thu hồi Luật này chưa phát sinh hiệu lực. Thời điểm đó, Luật Đất đai năm 1993 đang có hiệu lực áp dụng, đồng thời là Luật chuyên ngành nên phải được áp dụng. Theo quy định của Luật Đất đai năm 1993, gia đình ông phải được bồi thường khi bị thu hồi đất. Do chưa được bồi thường và “Trung dụng đất” nhưng không trả lại nên ông đòi hỏi quyền lợi là hoàn toàn chính đáng.

Thanh tra Sở TN&MT tỉnh Tuyên Quang căn cứ đơn đề nghị của bố ông ngày 01/11/1995 để kết luận rằng ông không có căn cứ để đòi quyền lợi. Bố ông ủng hộ và không có ý kiến phản ứng là đồng ý với chủ trương, mục đích thu hồi đất để làm đường nhưng Thanh tra Sở TN&MT lại đánh đồng với việc đồng ý về chế độ bồi thường, hỗ trợ (không bồi thường, hỗ trợ gì). Đây là hai nội dung hoàn toàn khác nhau. Chính vì bố ông không đồng ý với việc không bồi thường, nên ngày 27/11/1996 đã có đơn đề nghị giải quyết đến UBND tỉnh Tuyên Quang.

Do gia đình ông bị UBND tỉnh Tuyên Quang thu hồi đất nhưng chưa được bồi thường, hỗ trợ và giải quyết thỏa đáng nên quyền lợi hợp pháp của gia đình ông với quyền sử dụng đất vẫn tồn tại. Sau khi nhận được Công văn số 07/CV-TTra ngày 26/3/2020 của Thanh tra Sở TN&MT tỉnh Tuyên Quang, về việc trả

lời đơn đề nghị của công dân, ông chưa khiếu nại đến cơ quan nào. Nay ông đề nghị Toà án giải quyết:

Huỷ Công văn số: 07/CV/TTra ngày 26/3/2020 của Thanh tra Sở TN&MT tỉnh Tuyên Quang về việc trả lời đơn đề nghị của công dân.

Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang buộc UBND tỉnh Tuyên Quang giao cơ quan chuyên môn căn cứ hồ sơ đất đai, xác minh thực tế, căn cứ giá đất, hoa màu hiện tại để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông đối với diện tích đất đã bị thu hồi vào năm 1995, 1996.

Buộc UBND tỉnh Tuyên Quang trả lại cho gia đình ông phần diện tích đất còn lại 483,9m² chưa sử dụng vào việc thực hiện 02 dự án trên. Theo giá thị trường, diện tích 483,9m² của gia đình ông có giá 40.000.000.000đồng (Bốn mươi tỷ đồng).

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Sở TN&MT tỉnh Tuyên Quang trình bày:

Về căn cứ để ban hành Công văn số 07/CV-TTr ngày 26/3/2020 của Thanh tra Sở TN&MT tỉnh Tuyên Quang.

Về nguồn tiếp nhận đơn của ông H: Ban Nội chính Tỉnh ủy có Văn bản số 2861-CV/BNCTU ngày 12/3/2020 và Văn bản số 3098-CV/BNCTU ngày 10/7/2020 về việc chuyển đơn của ông NHH, Tổ 7, phường MX, thành phố TQ đến Sở TN&MT chỉ đạo xem xét, giải quyết vụ việc và trả lời công dân theo quy định.

Về xử lý và giải quyết đơn thư: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra Sở được quy định tại khoản 9 Điều 24 Luật Thanh tra năm 2010: “*Thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo*”. Sở TN&MT đã giao cho Thanh tra Sở tiến hành kiểm tra, xác minh và trả lời ông NHH theo quy định. Thanh tra Sở đã tiến hành các bước kiểm tra, xác minh như sau:

Căn cứ các tài liệu, hồ sơ có liên quan, căn cứ đơn đề nghị của ông NHT ngày 04/11/1995: “*Đến ngày 01/11/1995 gia đình được thông báo phần đất của gia đình đang sử dụng nằm trong mặt bằng quy hoạch mở rộng đường BT, nhà nước trưng dụng để làm đường, về phía gia đình chúng tôi hoàn toàn ủng hộ chủ trương của nhà nước không có ý kiến phản ứng gì*”.

Căn cứ đơn đề nghị của ông NHT ngày 27/11/1996: “*Gia đình có thửa đất diện tích 660m², năm 1991 được hợp tác xã và UBND phường xác nhận là của riêng gia đình, nhà nước lấy làm đường quốc lộ; còn lại 160m² nay Ngân hàng đầu tư nông nghiệp lấy làm trụ sở, mà chỉ bồi thường hoa màu có 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) gia đình tôi thấy không thỏa đáng nên không nhận với lời đề nghị, mong UBND tỉnh và các cơ quan chức năng xem xét giải quyết cho gia đình tôi: một là, cấm đất chỗ khác cho được làm nhà; hai là, nếu không được*

chấp nhận nguyện vọng một, thì cơ quan có thẩm quyền xem xét theo chính sách của nhà nước về bồi thường bằng tiền cho thỏa đáng”.

Căn cứ Biên bản kiểm kê khối lượng đền bù, di chuyển giải phóng mặt bằng thi công đường BT thuộc nhánh Hà Nội-Tuyên Quang giữa Hội đồng kiểm kê của UBND thị xã TQ với hộ ông NHT ngày 27/10/1995; Quyết định số 859/QĐ-UB ngày 15/11/1995 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bồi thường, di chuyển giải phóng mặt bằng thi công đường BT -Thị xã TQ và Quyết định số 229/QĐ-UB ngày 15/02/1996 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng và xây dựng Ngân hàng Đầu tư và Phát triển.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 698 Bộ luật Dân sự năm 1995 quy định căn cứ chấm dứt quyền sử dụng đất:

“1. Quyền sử dụng đất của cá nhân, hộ gia đình chấm dứt trong các trường hợp sau đây:...

đ) Có quyết định thu hồi quyền sử dụng đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền”;

Từ những căn cứ trên xác định: Việc ông H đề nghị trả lại diện tích đất Nhà nước đã thu hồi của ông NHT để làm đường BT và xây dựng Ngân hàng Đầu tư nhưng không sử dụng là không có căn cứ để giải quyết vì đã chấm dứt quyền sử dụng đất theo quy định.

Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Sở TN&MT để ban hành văn bản trả lời công dân.

Căn cứ khoản 3 Điều 23 Luật Thanh tra năm 2010 quy định về tổ chức của Thanh tra Sở: *“...3. Thanh tra Sở chịu sự chỉ đạo, điều hành của Giám đốc Sở...”*. Căn cứ khoản 9 Điều 24 Luật Thanh tra năm 2010 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Sở: *“Thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo”*.

Căn cứ khoản 2 Điều 15 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra, quy định về cơ cấu, tổ chức của Thanh tra Sở: *“...2. Có con dấu và tài khoản riêng”*.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ quy định nêu trên, việc Thanh tra Sở TN&MT ban hành Công văn số 07/CV-TTr ngày 26/3/2020 để trả lời cho ông H là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Việc ông H khởi kiện Sở TN&MT và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang hủy Văn bản số 07/CV-TTr ngày 26/3/2020 của Thanh tra Sở về việc trả lời công dân là không có căn cứ xem xét, giải quyết. Sở TN&MT đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xem xét bác yêu cầu khởi kiện của ông NHH vì không có căn cứ pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND tỉnh Tuyên Quang trình bày:

Về nội dung ông H yêu cầu Tòa án xử buộc UBND tỉnh Tuyên Quang giao cơ quan chuyên môn lập phương án bồi thường, hỗ trợ và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông với diện tích đất đã bị thu hồi vào năm 1995, 1996 là không có căn cứ xem xét giải quyết với lý do sau:

Năm 1995, 1996 Nhà nước đã thu hồi đất của ông NHT (bố ông H, hiện nay đã chết) để thực hiện xây dựng 02 dự án: *Làm đường BT năm 1995; xây dựng Ngân hàng Đầu tư phát triển năm 1996* được thể hiện tại các văn bản sau:

Biên bản kiểm kê khối lượng đền bù di chuyển giải phóng mặt bằng thi công đường BT thuộc nhánh Hà Nội-Tuyên Quang, đường dẫn cầu NT ngày 27/10/1995.

Quyết định số 859/QĐ-UB ngày 15/11/1995 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bồi thường, di chuyển giải phóng mặt bằng thi công đường BT.

Quyết định số 192/QĐ-UB ngày 03/02/1996 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất và giao cho Cục đầu tư phát triển Tuyên Quang và Quyết định số 229/QĐ-UB ngày 15/02/1996 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng và xây dựng Ngân hàng đầu tư phát triển (thuộc Cục đầu tư phát triển Tuyên Quang). Ông NHT đã được tính toán và chi trả 205.500 đồng tại Dự toán đền bù ngày 06/3/1996.

Việc Nhà nước thu hồi đất được ông NHT nhất trí thể hiện tại đơn đề nghị ngày 04/11/1995: *“Đến ngày 01/11/1995 gia đình được thông báo phần đất gia đình đang sử dụng nằm trong mặt bằng quy hoạch mở rộng đường BT, nhà nước trưng dụng để làm đường, về phía gia đình chúng tôi hoàn toàn ủng hộ chủ trương của Nhà nước, không có ý kiến phản ứng gì...”*.

Việc thu hồi đất để xây dựng 02 công trình đường BT và Ngân hàng Đầu tư phát triển đã được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng, đảm bảo đúng quy hoạch được xét duyệt, đồng thời đã chỉ đạo các cơ quan có liên quan giải phóng mặt bằng và thông báo công khai đến các cơ quan, đơn vị và cá nhân trong khu vực, được thể hiện tại các văn bản: Quyết định số 368/UB-QĐ ngày 27/6/1994 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng đường BT, thị xã TQ; Văn bản số 74/CV-UB ngày 08/02/1995 của UBND tỉnh về việc giải phóng mặt bằng thi công đường BT-Thị xã TQ; Thông báo số 96/UB-TB ngày 24/10/1995 của UBND thị xã TQ về việc giải phóng mặt bằng thi công đường BT; Quyết định số 859/QĐ-UB ngày 15/11/1995 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt bồi thường, di chuyển giải phóng mặt bằng thi công đường BT-Thị xã TQ; Quyết định số 899/CV-UB ngày 06/12/1995 của UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế, dự toán đường BT (đợt 1) và các nút giao thông từ đường 17/8 đến góc vuông Thành Nhà Mạc, thị xã TQ; Tờ trình số 45/TT-ĐC ngày 12/02/1996 của Sở Địa chính về việc thu hồi đất để xây dựng trụ sở Ngân hàng Đầu tư và phát triển Tuyên Quang và xây dựng cơ sở hạ tầng

công cộng; Quyết định số 229/QĐ-UB ngày 15/02/1996 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng và xây dựng Ngân hàng đầu tư phát triển.

Căn cứ Luật Đất đai năm 1993 quy định về thu hồi đất như sau:

Điều 27 quy định: *“Trong trường hợp thật cần thiết, Nhà nước thu hồi đất đang sử dụng của người sử dụng đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng...”*.

Điều 28 quy định: *“Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất nào thì có quyền thu hồi đất đó. Việc thu hồi đất để chuyển sang mục đích khác phải theo đúng quy hoạch và kế hoạch đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trước khi thu hồi đất phải thông báo cho người đang sử dụng biết về lý do thu hồi, thời gian, kế hoạch di chuyển, phương án đền bù thiệt hại...”*.

Như vậy, Nhà nước thu hồi đất của ông NHT để thực hiện xây dựng 02 công trình làm đường BT năm 1995; xây dựng Ngân hàng đầu tư phát triển năm 1996 đảm bảo quy định của pháp luật tại thời điểm thu hồi đất.

Việc ông H yêu cầu Nhà nước bồi thường, hỗ trợ và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông với diện tích đất đã bị thu hồi để xây dựng công trình đường BT và Ngân hàng Đầu tư phát triển năm 1995, 1996: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính quy định về thời hiệu khởi kiện:

“1. Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà cơ quan, tổ chức, cá nhân được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hành chính bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện.

2. Thời hiệu khởi kiện đối với từng trường hợp được quy định như sau:

a) 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc...”

Như vậy, từ khi Nhà nước thu hồi đất năm 1995, 1996 đến khi ông H có đơn kiến nghị năm 2017 (20 năm) là không có căn cứ giải quyết do đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định.

Về nội dung ông H yêu cầu Tòa án xử buộc UBND tỉnh Tuyên Quang trả lại cho gia đình ông diện tích đất còn lại 483,9m² chưa sử dụng vào 02 dự án đường BT và Ngân hàng BIDV-Chi nhánh TQ nếu không trả bằng đất thì trả bằng tiền theo giá thị trường là 40.000.000.000đồng (Bốn mươi tỷ đồng) là không có căn cứ vì:

Trên cơ sở mô tả của ông NHT tại đơn đề nghị ngày 25/6/1991 có thể hiện vị trí thửa đất: *“...phía Đông giáp đường CL; phía Tây giáp ruộng HTX Tiến Thành; Phía Nam giáp trường bổ túc văn hóa; phía Bắc giáp ruộng HTX Tiến Thành...”* được UBND phường MX xác nhận ngày 26/6/1991.

Tại đơn đề nghị ngày 27/11/1996 của ông NHT thể hiện: *“... Gia đình có thửa đất, diện tích 660m², năm 1991 được HTX và UBND phường xác nhận là*

của riêng gia đình, nhà nước đã lấy làm đường quốc lộ còn lại 160m² nay Ngân hàng đầu tư nông nghiệp lấy làm trụ sở... ”.

Quá trình kiểm tra, xác minh vụ việc, cơ quan chức năng đã chồng ghép bản đồ trên cơ sở đo đạc hiện trạng toàn bộ khu vực đất có liên quan (*trong đó có khu vực đất ông NHT đã bị thu hồi và khu vực ông H tự nhận là đất của gia đình bị nhà nước thu hồi nhưng không sử dụng và đã dựng lều tạm bán nước*) với ranh giới thửa đất theo tờ can số 6; ranh giới thửa đất theo quy hoạch đường BT đã xác định: 02 thửa đất số 224, 225 của ông NHT đã bị Nhà nước thu hồi và đã được sử dụng hết để xây dựng đường BT và xây dựng Ngân hàng Đầu tư phát triển (*thửa đất 224, 225 không phải vị trí ông H tự nhận và dựng lều tạm bán nước*); việc ông H cho rằng Nhà nước thu hồi đất của gia đình ông nhưng chưa sử dụng vào 02 dự án đường BT và xây dựng Ngân hàng Đầu tư phát triển là không có căn cứ.

UBND tỉnh thấy rằng: Việc ông H yêu cầu UBND tỉnh Tuyên Quang giao cơ quan chuyên môn lập phương án bồi thường, hỗ trợ và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông với diện tích đất đã bị thu hồi vào năm 1995, 1996 là không có căn cứ xem xét giải quyết và hết thời hiệu khởi kiện theo quy định; việc ông H yêu cầu UBND tỉnh Tuyên Quang trả lại cho gia đình ông diện tích đất còn lại 483,9m² chưa sử dụng vào 02 dự án đường BT và Ngân hàng BIDV- Chi nhánh TQ nếu không trả bằng đất thì trả bằng tiền theo giá thị trường 40.000.000.000đ (Bốn mươi tỷ đồng) là không có cơ sở xem xét giải quyết. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông NHH.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TQ trình bày:

Năm 1994, UBND tỉnh Tuyên Quang có chủ trương xây dựng đường BT (nơi đặt trụ sở Chi nhánh Ngân hàng từ đó đến nay). Công tác đền bù giải phóng mặt bằng đã được thực hiện trong năm 1995, 1996. Lúc đó toàn bộ khu đất là ruộng rau, bên cạnh là đất của Trường Tiểu học BT. Năm 1996, Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Tuyên Quang nhận được quyết định giao đất của cơ quan có thẩm quyền theo Quyết định số 934/QĐ-UB ngày 18/10/1996 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc cho Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Tuyên Quang thuê đất (Diện tích đất: 2.025m²; thửa đất số: 01; tờ bản đồ số 0700220303). UBND tỉnh cấp cho Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Tuyên Quang được phép sử dụng suốt 25 năm qua, đất được sử dụng ổn định, đúng mục đích, không có tranh chấp. Năm 2016, Chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển TQ sử dụng đất để xây dựng trụ sở mới trên cơ sở dỡ bỏ trụ sở cũ và không xảy ra tranh chấp, hàng năm Chi nhánh đã nộp thuế đầy đủ. ***Năm 1996, Chi nhánh là đơn vị thành viên của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước.*** Hiện nay, Chi nhánh là đơn vị thành viên của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam (Doanh nghiệp Nhà nước nắm cổ phần chi phối). Việc cơ quan Nhà

nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam, đại diện là Chi nhánh TQ sử dụng đúng quy định, trình tự, thủ tục của pháp luật.

Căn cứ quá trình thu hồi đất, cấp CNQSDĐ của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cùng các hồ sơ tài liệu hiện có, Chi nhánh cho rằng: Đất của Chi nhánh được Nhà nước cấp và được Chi nhánh sử dụng ổn định, lâu dài, đúng mục đích, không có tranh chấp. Hồ sơ cấp đất theo đúng quy định trình tự, thủ tục của pháp luật về đất đai. Do đó khiếu kiện của ông NHH là không có cơ sở.

Ông NVV trình bày: Ông V là con trai của ông NHT và là em trai của ông NHH. Ông V có biết nguồn gốc đất tranh chấp tại Tổ 07 (Tổ 19 cũ), phường MX, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang, thửa đất đó của bố mẹ ông (ông NHT và bà BTC) tự khai phá và đã được chính quyền các cấp vào thời điểm đó công nhận quyền sở hữu cho đến khi bị cưỡng chế thu hồi. Ông H là anh trai ông khởi kiện yêu cầu bồi thường do thu hồi đất, ý kiến của ông H hoàn toàn đồng thuận nhất trí đồng ý theo như nội dung đơn khởi kiện của ông H.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông NHH1, bà NTB, bà NTH ủy quyền cho ông NHH tham gia giải quyết toàn bộ vụ việc và quyết định mọi vấn đề có liên quan.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2022/HC-ST ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Căn cứ các Điều 29, 30, 32, điểm a khoản 2 Điều 193, điểm a khoản 3 Điều 116, Điều 191, Điều 194 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 23, Điều 24 Luật Thanh tra năm 2010; Thông tư số 07/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định về quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông NHH và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông NHH về việc:

Tuyên hủy Công văn số: 07/CV/TTra ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Thanh tra Sở TN&MT tỉnh Tuyên Quang về việc trả lời đơn đề nghị của công dân;

Yêu cầu UBND tỉnh Tuyên Quang giao cơ quan chuyên môn căn cứ hồ sơ đất đai, xác minh thực tế, căn cứ giá đất, hoa màu hiện tại để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông đối với diện tích đất đã bị thu hồi vào năm 1995, 1996.

Yêu cầu UBND tỉnh Tuyên Quang trả lại cho gia đình ông diện tích đất 483,9m² chưa sử dụng vào việc thực hiện 02 dự án trên theo giá thị trường 40.000.000.000đồng (Bốn mươi tỷ đồng).

Ngoài ra, Bản án hành chính sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/7/2022, người khởi kiện ông NHH có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông NHH và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo, tuyên hủy Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại do có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng; nhận định của bản án sơ thẩm không phù hợp với quy định của pháp luật, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận kháng cáo của ông H, tuyên hủy bản án hành chính sơ thẩm số 15/2022/HC-ST ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng

Ngày 25/7/2022, ông NHH là người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2022/HC-ST ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Đơn kháng cáo của ông H gửi trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 26/3/2020, Thanh tra Sở TN&MT tỉnh Tuyên Quang ban hành Công văn số 07/CV-TTra về việc trả lời đơn đề nghị của ông H. Không đồng ý với nội dung Công văn số 07/CV-TTra nêu trên, ngày 20/02/2021, ông H đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang yêu cầu hủy Công văn số 07/CV-TTra là trong thời hiệu khởi kiện. Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Xét thấy, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Sở TN&MT tỉnh Tuyên Quang; những người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND tỉnh Tuyên Quang và Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TQ đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông H1, bà B, ông V và bà H vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông H tham gia tố tụng nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử

vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của ông NHH, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy:

[2.1]. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Công văn số 07/CV-TTra ngày 26/3/2020 của Thanh tra Sở TN&MT tỉnh Tuyên Quang:

Ngày 04/4/2019, Ban Nội chính Tỉnh ủy Tuyên Quang có Văn bản số 2138-CV/BNCTU về việc chuyển đơn của ông NHH đề ngày 24/3/2019 đến Giám đốc Sở TN&MT tỉnh Tuyên Quang. Ngày 30/5/2019, ông H tiếp tục có đơn khiếu nại gửi các cơ quan ở Trung ương và địa phương, trong đó có Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở TN&MT tỉnh Tuyên Quang.

Sau khi nhận được đơn của ông H, Sở TN&MT tỉnh Tuyên Quang đã giao cho Thanh tra Sở tiến hành kiểm tra, xác minh và trả lời ông H theo quy định. Thanh tra Sở đã xem xét đơn của ông H, thu thập các tài liệu có liên quan do ông H cung cấp và các tài liệu thu thập từ các cơ quan có liên quan cũng như làm việc trực tiếp với ông H vào các ngày 24/9/2019 và ngày 17/10/2019.

Đối chiếu quy định tại khoản 3 Điều 23, khoản 9 Điều 24 Luật Thanh tra năm 2010; Thông tư số 07/2014/TT-TTCTP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định về quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh thì Sở TN&MT tỉnh đã giao cho Thanh tra Sở tiến hành kiểm tra, xác minh nội dung đơn và trả lời ông H là đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục.

[2.2]. Về tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung Công văn số 07/CV-TTra ngày 26/3/2020 của Thanh tra Sở TN&MT tỉnh Tuyên Quang:

Đơn của ông NHH đề ngày 30/5/2019 với tiêu đề là đơn khiếu nại nhưng ông H đã gửi đến rất nhiều cơ quan ở Trung ương và địa phương.

Sau khi nhận được đơn của ông H, Sở TN&MT đã giao cho Thanh tra Sở tiến hành kiểm tra, xác minh. Tại Biên bản làm việc ngày 24/9/2019 của Thanh tra Sở với ông H, xác định: Ông H đề nghị Nhà nước trả lại diện tích đất mà Nhà nước đã thu hồi của gia đình ông để làm đường BT và xây dựng Ngân hàng Đầu tư nhưng không sử dụng. Trên cơ sở đó, Thanh tra Sở căn cứ các tài liệu thu thập tại các cơ quan liên quan bao gồm: Biên bản kiểm kê khối lượng đền bù, di chuyển giải phóng mặt bằng thi công đường BT thuộc nhánh Hà Nội - Tuyên Quang ngày 27/10/1995; Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 15/11/1995 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt bồi thường, di chuyển giải phóng mặt bằng thi công đường BT - Thị xã TQ; Quyết định số 229/QĐ-UB ngày 15/02/1998 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng và xây dựng trụ sở Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển.

Căn cứ đơn đề nghị của ông NHT ngày 04/11/1995 có ghi: *“Đến ngày 01/11/1995 gia đình được thông báo phần đất của gia đình đang sử dụng nằm trong mặt bằng quy hoạch mở rộng đường BT, nhà nước trưng dụng để làm đường, về phía gia đình chúng tôi hoàn toàn ủng hộ chủ trương của nhà nước không có ý kiến phản ứng gì...”*.

Đơn đề nghị của ông NHT ngày 27/11/1996 có ghi: *“Gia đình có thửa đất diện tích 660m², năm 1991 được hợp tác xã và UBND phường xác nhận là của riêng gia đình, nhà nước lấy làm đường quốc lộ, còn lại 160m² nay Ngân hàng đầu tư nông nghiệp lấy làm trụ sở...”*

Trên cơ sở 02 đơn đề nghị ngày 04/11/1995 và ngày 27/11/1996 của ông NHT, có căn cứ xác định Nhà nước đã thu hồi toàn bộ diện tích đất đang sử dụng của gia đình ông NHT (bố ông H). Từ đó đến năm 2017 là hơn 20 năm nhưng gia đình ông H không ai có đơn khiếu nại đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, cũng không có thắc mắc gì về diện tích đất thu hồi; ông H không có tài liệu chứng minh việc gửi đơn khiếu nại từ năm 1996 đến năm 2017. Ngoài ra, nội dung này cũng được ông H thừa nhận tại biên bản làm việc ngày 24/9/2019 giữa Thanh tra Sở TN&MT với ông NHH: *“Trước năm 2017 gia đình chưa có đơn và cũng chưa làm gì tại khu đất này, đến năm 2017 tôi phát hiện diện tích đất còn lại của gia đình tôi bị thu hồi làm đường BT và xây dựng Ngân hàng đầu tư tôi đã làm đơn gửi UBND phường MX để được sử dụng đất...; Về ủy quyền: bố đẻ tôi là NHT (đã chết từ năm 2010) nhưng không có giấy tờ ủy quyền cho ai với nội dung đề nghị tại đơn ngày 27/11/1996...”* (BL 163).

Trước đó, tại Công văn số 1709/UBND-TNMT ngày 26/7/2018 của UBND thành phố TQ về việc trả lời nội dung đơn đề nghị của công dân đã trả lời ông H: *“Kết quả chồng ghép bản đồ thì thửa đất 224-225 tờ cadastre số 6 nằm trong thửa đất số 163, tờ bản đồ số 35 phường MX và đối chiếu các tài liệu liên quan thì diện tích đất trên Nhà nước đã thu hồi để làm đường BT và một phần xây dựng trụ sở làm việc của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh TQ không phải vị trí đất hiện nay ông đang sử dụng để làm quán bán hàng...”*

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất của bố ông đã bị thu hồi. Tuy nhiên, căn cứ vào Công văn số 1573/STNMT-TTr ngày 05/8/2023 của Sở TN&MT tỉnh Tuyên Quang thì diện tích đất của hộ gia đình ông NHT (bố đẻ ông H) đã được UBND tỉnh Tuyên Quang thu hồi và bồi thường, di chuyển, giải phóng mặt bằng thi công đường BT - Thị xã TQ tại Quyết định số 859/QĐ-UB ngày 15/11/1995 và Quyết định số 229/QĐ-UB ngày 15/02/1996 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng và xây dựng trụ sở Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển. Đến nay các công trình đã nghiệm thu, thanh quyết toán và đưa vào sử dụng hơn 20 năm nên không còn hiện trạng, không thể thẩm định được thửa đất của gia đình ông Thực (bố ông H) vì đã bị thu hồi từ những năm 1995, 1996.

Do đó, việc ông H đề nghị trả lại diện tích đất Nhà nước đã thu hồi của ông NHT để làm đường BT và xây dựng trụ sở Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư nhưng không sử dụng là không có cơ sở, vì hộ gia đình ông NHT đã chấm dứt quyền sử dụng đất kể từ khi bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

[2.3]. Đối với yêu cầu của ông NHH đề nghị Tòa án buộc UBND tỉnh Tuyên Quang giao cơ quan chuyên môn lập phương án bồi thường, hỗ trợ và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông đối với diện tích đất đã bị thu hồi vào năm 1995, 1996; Buộc UBND tỉnh Tuyên Quang trả lại cho gia đình ông diện tích đất 483,9m² chưa sử dụng vào việc thực hiện 02 dự án trên theo giá thị trường 40.000.000.000đồng (Bốn mươi tỷ đồng).

Như đã phân tích tại mục [2.2] nêu trên, việc ông H khởi kiện đề nghị hủy Công văn số 07/CV-TTra ngày 26/3/2020 của Thanh tra Sở TN&MT tỉnh Tuyên Quang, nhưng không có căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông nên không có cơ sở để buộc UBND tỉnh Tuyên Quang giao cơ quan chuyên môn lập phương án bồi thường, hỗ trợ và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông đối với diện tích đất đã bị thu hồi vào năm 1995, 1996, cũng như không có cơ sở để buộc UBND tỉnh Tuyên Quang trả lại cho gia đình ông diện tích đất 483,9m² mà ông cho rằng chưa sử dụng vào việc thực hiện 02 dự án nêu trên theo giá thị trường là 40.000.000.000đồng (Bốn mươi tỷ đồng). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu của ông là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H không xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông H, cần giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2022/HC-ST ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị hủy bản án sơ thẩm nêu trên là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, ông H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên cần xem xét miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông H theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1]. Bác kháng cáo của ông NHH. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2022/HC-ST ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

[2]. Án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông NHH.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án, P.HCTP.

Trần Quang Minh

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cường

Lê Thị Thúy Bình

Trần Quang Minh

